

Bản án số: 505/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hữu Bằng
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bành Văn S, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Đ 3, phường H, thị xã H, tỉnh B.
2. Bị đơn: Bà Trần Thị Á, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Đ 1, phường H, thị xã H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bành Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Á tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 8 năm 1995 tại UBND xã Hoài Tân (Nay là phường Hoài Tân), thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 1996, sau khi sinh con thì bà Á bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 1996 đến nay. Vợ chồng xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, ông S yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà Á.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bành Thị T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/9/1996. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Bị đơn không có mặt mặc dù đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông S và bà A được ly hôn; Về con chung, con đã thành niên nên miễn xét; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu; Ông S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn. Bị đơn bà A đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 2, khu phố Đệ Đức 1, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản của Tòa án yêu cầu bà A có mặt tại Tòa để làm việc nhưng bà A cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Vợ chồng ông S, bà A đã không còn chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay do bà A bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng không liên lạc, phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Qua nhiều lần xác minh thấy rằng, hiện nay bà A thường xuyên vắng mặt tại địa phương và không thông báo đi đâu, ông S và bà A không ai có trách nhiệm và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình, cả hai

cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông S yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

[5] Về con chung: Có 01 con chung tên Bành Thị T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/9/1996. Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ông Bành Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì ông S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Văn S.

Về hôn nhân: Ông Bành Văn S được ly hôn bà Trần Thị Á.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Bành Thị T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/9/1996. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Bành Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001935 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên

